

Phụ chú giải kinh Tăng Chi Bộ I – Chương 1 – 4. Phẩm không điều phục

4. Adantavaggavaṇṇanā

4. Phần chú giải về Adantavagga

31-36. Catutthassa paṭhame adantanti cittabhāvanāya vinā na dantaṃ.

31-36. Trong bài kinh thứ tư, đoạn đầu tiên, “adanta” có nghĩa là tâm không được chế ngự do thiếu sự tu tập tâm.

Tenāha - “satisaṃvararahita”nti.

Vì vậy, được giải thích là “không có sự giữ gìn trong niệm.”

Catutthe tatiye vuttavipariyāyena attho veditabbo.

Trong bài kinh thứ tư, ý nghĩa cần được hiểu ngược lại với điều đã nói trong bài kinh thứ ba.

Pañcamachaṭṭhesu purimasadisoyevāti tatiyacatutthasadiso eva.

Trong bài kinh thứ năm và thứ sáu, ý nghĩa tương tự như đã được giải thích trong bài kinh thứ ba và thứ tư.

37-38. Sattamaṭṭhamesu upamā panetthāti yathā paṭhamādīsu adantahatthiassādayo upamābhāvena gahitā, evamettha satthamaṭṭhamesu “asaṃvutagharadvārādivasena veditabbā”ti vuttaṃ.

37-38. Trong bài kinh thứ bảy và thứ tám, có một sự so sánh. Như trong các bài kinh đầu tiên, những hình ảnh như voi và ngựa không được thuần hóa được sử dụng làm ví dụ, thì ở đây, bài kinh thứ bảy và thứ tám nói về “các cánh cửa nhà không được giữ kín” để ám chỉ tâm không được chế ngự.

39-40. Navamadasamesu catūhipi padehīti adantādīhi catūhi padehi yojetvā navamadasamāni suttāni vuttānīti yojanā.

39-40. Trong bài kinh thứ chín và thứ mười, cả bốn cụm từ như “adanta” và những từ liên quan được kết hợp để giải thích ý nghĩa của hai bài kinh này.

Adantavaggavaṇṇanā niṭṭhitā.

Phần chú giải về Adantavagga đã hoàn tất.